

Nội Thôn Học

Tác Giả: Giuse Phan Tấn Thành, OP.
Thứ Ba, 08 Tháng 3 Năm 2011 09:37

Người gốc của nội thôn học bắt nguồn từ thời kỳ này, khi một nhóm phụ nữ Tin Lành người Hoa Kỳ họp nhau để đi u khi n của Elizabeth Cady Stanton để nghiên cứu những đo n Kinh Thánh nói về phụ nữ.



hình minh họa

Chúng tôi biết rằng "nội thôn học" để dịch tiếng "feminist theology". Nhưng có thể dịch là "thôn học nữ giới" cũng được, nhưng nói như vậy thì dễ dàng các tác giả không bằng lòng. Thực vậy, thôn học nữ giới (hay phụ nữ) có thể hiểu là thôn học về đàn bà nhưng do các ông viết ra. Còn nói là "nội thôn học" thì phải hiểu là do các nội thôn học gia viết ra, không nhưng vì chính các phụ nữ, mà còn về Thiên Chúa và các đề tài thôn học khác nữa. Vì vậy sau khi đã xét qua những đóng góp của các ngành thôn học tín lý, chúng tôi muốn dùng từ "nội thôn học" (NTH) trước khi bước qua các ngành của thôn học luân lý.

Lịch sử.

Người gốc của nội thôn học bắt nguồn từ thời kỳ này, khi một nhóm phụ nữ Tin Lành người Hoa Kỳ họp nhau để đi u khi n của Elizabeth Cady Stanton để nghiên cứu những đo n Kinh Thánh nói về phụ nữ. Kết quả của những cuộc họp này là tác phẩm mang tên Woman's Bible (Thánh Kinh của phụ nữ), vào những năm 1895-98.

Về phía Công Giáo thì cần ghi nhận sự thành lập "Liên minh Quốc tế Jeanne d'Arc" bên Anh quốc, nhằm cổ vũ sự bình quyền nam nữ. Nhóm nêu bật tôn chỉ của mình, họ dùng khẩu hiệu sau đây: "Hãy cầu xin Chúa, Bà sẽ nhậm lời", để nói lên rằng nữ Chúa không có sự phân biệt nam nữ tính hay ông bà gì hết.

NTH thuyết sự phát triển từ thế kỷ 60 của thế kỷ 20, với những phong trào đòi cho phụ nữ cũng được làm mục sư hay linh mục, cũng như đòi quyền vị với những phong trào thần học giới phóng. Trường NTH (Feminist theology) ra đời từ Hoa Kỳ năm 1971-72. Như đã nói ở đầu: tuy từ đầu của đây đã có những tác phẩm thần học và phụ nữ, nhưng thuyết này là do các ông (thuyết này là đức thân nữ) viết; bây giờ đến lượt các bà khởi sự cuộc suy tư thần học bắt đầu từ kinh nghiệm bị áp chế, và tranh đấu cho công cuộc giới phóng phụ nữ.

Cho đến nay, người ta nhận thấy có ba khuynh hướng chính của NTH:

1) Khuynh hướng thần học nhất chi m đa số, tầm gọi là ôn hòa, theo nghĩa là họ thuyết hiên công cuộc suy tư thần học trong khuôn khổ của Thánh Kinh và Thánh Truyền như chúng tôi sẽ trình bày dưới đây.

2) Khuynh hướng thần học hai thì chủ trương rằng công nhận phụ nữ vị t lên trên Kinh Thánh, xét vì Kinh Thánh ra đời trong môi trường xã hội phụ - h, trọng nam khinh nữ. Kinh Thánh đã ràng buộc Thiên Chúa vào những lỗi lầm của nam giới.

Tiêu biểu cho nhóm này là tác giả của quyển sách do Mary Daly xuất bản năm 1973: "Beyond God the Father" (Vượt lên Chúa là Cha). Theo tác giả, xét vì Thiên Chúa thuộc nam giới, cho nên nam giới cũng đòi làm Chúa. Công nhận tìm danh xưng nào tránh sự bá quyền của một phái như vậy, tác giả như "Chúa là L" (trong Anh ngữ, "verb" và a hi u động c là "l" và a hi u động c là "động từ" theo văn phạm, với tính cách năng động của nó, đời l và i "danh từ" thái tĩnh). Daly chủ trương công nhận vượt qua những từ ngữ dùng trong Kinh Thánh, cũng như vượt lên chính Giáo Hội, những văn c của quy n bính áp chế, môn chôn phụ nữ. Thay vào đó, tác giả đề nghị hợp một liên đoàn phụ nữ ("sorority", thay vì "fraternity"), lên đời thuyết hiên công cuộc giới phóng, tìm sự hòa hợp với vũ trụ, với Thiên Chúa, L năng động, nguồn sinh l.

3) Khuynh hướng thần học ba chủ trương rằng cũng như xã hội mô u h ra đời từ xã hội phụ h, thì tôn giáo cũng đời như t của con người dành vị c thờ kính nữ thần từ khi tiến tới nam thần. Do đó, nay NTH phải xúc tiến vị c từ tôn giáo nữ thần (Goddess Religion). Chúng ta có thể kể đến Carol Christ, Naomi Goldenberg bên Hoa Kỳ, và Heide Goettner - Abendroth, Ursula Krattinger, Elda Sorge bên Âu châu.

Động học hướng suy tư.

Khuyên hòng th nh t đáng đ ý h n c. Chúng ta hãy l t qua nh ng đ m suy t c a h : v Thánh Kinh, Thánh Truyền cũng nh nh ng ch đ th n h c.

I. Kinh Thánh

NTH nh n th y r ng cho đ n nay s đàn áp ph n đ c duy t chính t nh ng đ n Kinh Thánh, t nh nh ng ch ng 2-3 c a sách sáng th trình bày E-và đ c rút t x ng s n c a A-đam, E-và xúi A-đam ph m t i; E-và b ph t ph i ph c từng ch ng, v.v...; nh ng đ u y đ c thánh Phao-lô l p l i trong các th 1Cr 11,1-16; 14,34-35; Ep 5,21-33; 1Tm 2, 9-15.

B i v y công cu c gi i phóng ph n ph i b t đ u b ng vi c xét l i nh ng đ n Kinh Thánh y. Và đ đ t t i m c tiêu y, c n ph i t o ra m t thuy t gi i thích m i, phân bi t đầu là văn b n (text), đầu là s đ i p (message). Văn b n l thu c vào tâm th c c a th i đ i, nh ng s đ i p thì không b l thu c vào văn hóa c th , th m chí nó còn l t ng c tâm tr ng c h th i đ i n a.

Đ i khái đó là đ u mà Elizabeth Schuesser Fiorenza mu n nói trong tác ph m n i ti ng xu t b n năm 1983 "In memory of her" ("m i l n nh đ n bà", nh ng l i Chúa Giê-su khen ng i ph n đã đ đ u th m x c chân Ngài).

Th c v y, không ai ch i cãi đ c là Kinh Thánh đã ra đ i trong khung c nh xã h i ph h , trong đó có c Phao-lô. Nh ng đ u đó ch nh h ng t i văn b n ch không t i s đ i p. S đ i p c a Tân c là s bình đ ng gi a nam n .

Trong c ng đ ng Ki-tô tiên kh i, ta th y các ph n cũng đ c g i làm môn đ c a Chúa, cũng tham gia vào công cu c truy n giáo. Đ c Ki-tô đã mang l i m t cu c cách m ng xã h i, b i vì theo nh Phao-lô vi t trong th Galata 3,28: "t nay không còn phân bi t Do thái hay Hy l p n a, nô l hay t do, nam hay n n a: anh ch em ch là m t trong đ c Ki-tô".

Schuesser Fiorenza vi t: Th c ra, đây không ph i là câu nói c a chính Phao-lô, nh ng là l i tuyên x ng c a các tín h u tiên kh i khi lĩnh bí tích r a t i (đ c Ki-tô đã gi i thoát chúng ta, và

xóa bỏ hình tượng đức ân và thiêng liêng).

Cộng đồng Ki-tô hữu tiên khởi đã thực hiện một cách mạng giữa xã hội cũ truyền Do thái và Hy Lạp cổ đại. Thế nhưng sự đi xuống của Tin Mừng vốn chứa thoát đức vẫn bền cũ truyền; vì thế không lạ chi một đảng Phao-lô quá quý trọng sự bình đẳng nam nữ, đảng khác thì đòi hỏi người nữ phải từng phần người nam, hoặc giữ một chế độ riêng biệt trong cộng đồng.

Tuy vậy, không thể nói rằng Kinh Thánh bị bóp nghẹt bởi tâm thức pháp luật: nếu chúng ta khó đức kä, ta vẫn nhận thấy rằng Tin Mừng thánh Mßc-cô chấp nhận cho người gißi cũng đức theo làm môn đệ của đức Ki-tô (trái với tư tưởng Do thái thời đó), hoặc Tin Mừng thánh Gio-an đề cập tình yêu và sự phục vụ làm nguyên lý của đức Giáo Hội, chứ không phải chỉ có như trong xã hội cũ truyền.

Khuynh hướng người thích Kinh Thánh theo chiều hướng pháp luật trở thành đức tôn trọng kä 4. NTH cũn phải làm sáng tỏ những nhân tố đã bóp méo sự đi xuống của đức Ki-tô qua giọng lạc lõng; làm sao để trở lại tính chất cách mạng của sự đi xuống đức Ki-tô.

II. Thánh Truyền.

Cũng trong chiều hướng này, nhiều tác giả đã viết về những trào lưu tư tưởng nào đã ảnh hưởng đến sự đàn áp pháp luật trong suốt lịch sử Ki-tô giáo, từ như thuyết của Platon, Aristote, những khung cảnh xã hội thời cổ đại và trung cổ.

Thuyết Platon thiên về biểu tượng và phân biệt, vì thế nên không lạ chi người gißi là biểu tượng của thể xác, tội lỗi, yếu đuối; còn nam giới biểu tượng của tinh anh, trong sáng. Aristote coi đàn bà như "đàn ông thiäu hình" (mas occasionatus).

Những tư tưởng này đã ảnh hưởng rất nhiều đến những học trong quá khứ. Thêm vào đó, trong các ngôn ngữ Âu tây, tiếng "người" (homme, man) vốn chỉ con người, vốn chỉ đàn ông; vì thế không lạ gì đàn bà bị coi là kém chất lượng!

Trong khi mà Marx phân tích lịch sử dßi cái nhìn đßu tranh giai cấp, thì NTH đßc lịch sử dßi lăng kính của sự kỳ diệu. Bởi vậy, tiến trình giải phóng con người phải đi đßn chỗ xóa bỏ sự phân biệt.

III. Nội dung.

Chúng ta rßo qua vài đß tài chính của công cuộc suy tư NTH: Thiên Chúa, Ki-tô học, Thánh Mßu học, Giáo Hội học, Luân Lý học.

1) Thiên Chúa. Như trên đã nói, có những khuynh hướng cho rằng danh xưng Chúa là Cha; hoặc cho rằng khôi phục lại tôn giáo nguyên thủy. Nhóm ôn hòa thuộc khuynh hướng thứ nhất muốn vạch ra những tính chất của Thiên Chúa, như sự "Khôn ngoan" (Sapientia, Sagesse, giải cái), hay "Thần Linh", (trong tiếng Do thái: Ruah, thuộc giải cái, những trở nên giải quyết trong tiếng Hy Lạp Pneuma, tiếng La Tinh Spiritus, Esprit).

Tuy nhiên, khi xét lại danh xưng Thiên Chúa là Cha (11 lần trong Cựu Ước và 170 lần trong Tân Ước), tiếng Cha không đơn giản hóa với "paterfamilias" để đoán định quy mô sinh tử, như trong xã hội La-Mã. Tiếng Cha của Tân Ước gợi lên mối quan hệ giữa Giê-su Cựu Ước, Người đã đến trên gian để loan báo sự giải phóng khỏi hình thức kỳ diệu, xét vì tất cả mọi người đều là con của một cha trên trời. Do đó, vì thế gọi Thiên Chúa là Cha không đưa tới sự kỳ diệu, những người khác, nó nói lên tính cách bình đẳng tự do trong Nước Trời.

2) Ki-tô học. Không ai có thể chối cãi được rằng Giê-su là người nam. Tuy nhiên một đảng NTH cho thấy Ngài đã sống nam tính rất gần gũi với mọi người, chứ không phải cách kính trọng. Đảng khác cho rằng Ki-tô là ngôn sứ mang đến sự đi xuống giải phóng cho con người, giải phóng khỏi những hà hiếp.

Dù sao, rằng Ki-tô là người Cựu Ước, nếu gặp gỡ của Thiên Chúa với con người xét như là con người. Đó là trung gian xét như là con người, chứ không phải xét như là người nam giới.

3) Thánh Mßu học. Những tác giả của đoạn này đã tẩy chay rằng Ma-ri-a, vì xưa nay đã bị dùng để hình ảnh của người nữ phục tùng, chịu đựng, thay vì vùng lên tranh đấu tự do.

Nhưng gần đây NHT đã xét lại tiếp trình của họ. Không thiếu người muốn coi Đức Ma-ri-a như hiện thân của khuôn mặt phẩm của Thiên Chúa. Nhưng có người phản đối, xét vì như vậy là rơi vào cảm bực cũ của khuôn mặt phẩm, coi Thiên Chúa như là người nam, đang khi mà NTH đã chứng trình là Thiên Chúa vượt lên trên khung cảnh phẩm của họ.

Chính vì vậy, cần phải trình bày Đức Ma-ri-a dưới viển cảnh khác, như mặt phẩm của một vị tác động của Thánh Thần, biểu lộ qua thánh ca Magnificat, tuyên dương Thiên Chúa đã đem lại phóng người nghèo, người bị áp bức; Ma-ri-a là mặt phẩm chú ý đến nhu cầu của tha nhân, chia sẻ những lo âu khác nhau của họ.

4) Giáo Hội hiện tại. đây có lẽ là điểm gai góc nhất, xét vì phải bàn đến vai trò của phẩm trong Giáo Hội. Tác động người ta chú trọng đến vấn đề truyền chức linh mục, và quên đi những khía cạnh khác.

5) Luân Lý hiện tại. NHT nhận mạnh đến mặt khía cạnh của tội, đó là nó làm méo mó bang giao nhân bản. Vì vậy sự hoán cải phải được coi như là việc chỉnh hình những lỗi lầm bang giao, được biểu thị trong tông quan nam nữ, những đến sự thông hiệp. Tông quan nam nữ không phải dựa trên sự "phức tạp", hay "bức tức"; song là "hình tượng trong khác biệt".

Người Đa Minh Việt Nam